TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 05, 29/01 – 02/02/2024

Dòng tiền luân chuyển qua nhiều nhóm ngành

Tiêu điểm:

- Chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) ngày 31/1 thể hiện quan điểm lạc quan về tình trạng của nền kinh tế Mỹ. Ông khẳng định lãi suất sẽ không giảm vào tháng 3 như kỳ vọng gần đây của thị trường tài chính.
- Ngày 28/1, tại Thanh Hóa, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính chủ trì Hội nghị trực tuyến thúc đẩy tiến độ thực hiện các dự án đường dây 500 kV mạch 3 từ Quảng Trạch (Quảng Bình) đến Phố Nối (Hưng Yên).

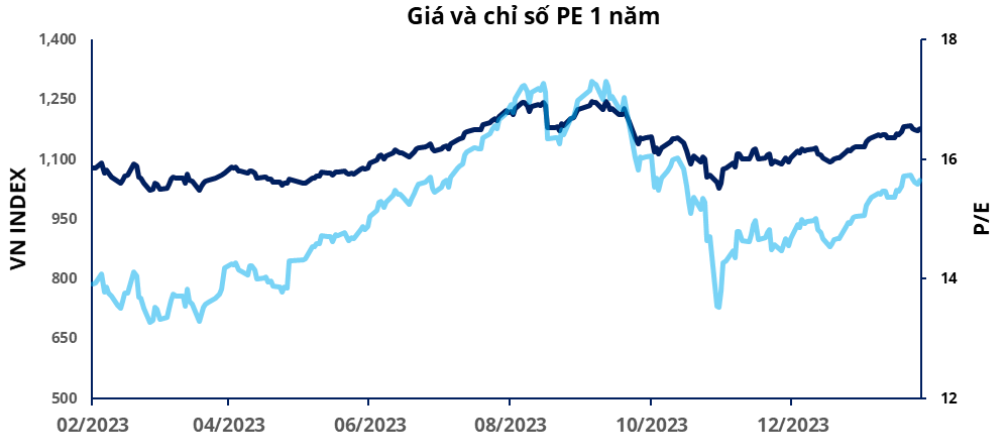
Đánh giá: Trong tuần qua, một vài phát biểu và dữ liệu kinh tế từ Mỹ cho thấy nền kinh tế Mỹ vẫn khá khỏe. Cụ thể chỉ số việc làm mở mới của Mỹ cao hơn so với kì vọng. Bất chấp sự giảm kì vọng về hạ lãi suất trong tháng 3 này, chỉ số Dow liên tục tăng phá đỉnh. Chứng khoán Việt Nam dù không tăng về chỉ số nhưng nhiều nhóm ngành có câu chuyện riêng đã có nhịp phục hồi khá ấn tượng.

Góc nhìn kĩ thuật: VNINDEX đóng cửa tại 1172.5 (-3.12 điểm, -0.27%) trên đồ thị tuần. Thanh khoản gia tăng nhẹ. Trong tuần qua, dòng tiền đã chốt lời nhiều ở nhóm ngân hàng và luân chuyển tuần tự qua các nhóm khác như bất động sản, hóa chất, bán lẻ và công nghệ. Xu hướng thị trường vẫn tốt với hỗ trợ và kháng cự lần lượt là 1160 – 1220.

Ý tưởng đầu tư: Nhà đầu tư nên thận trọng hơn trong giai đoạn gần tết, vì dòng tiền có thể sẽ rút ra để giảm lãi vay margin. Xu hướng dòng tiền đang luân chuyển khá nhanh qua các nhóm ngành. Chúng tôi kì vọng trong thời gian tới nhóm bất động sản khu công nghiệp, ngân hàng và chứng khoán sẽ được dòng tiền chú ý.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,173	-0.3	3.6	9.0	3.8		15.0	1.7	195
Upcom Index	88	0.8	0.9	5.2	1.5		12.6	1.3	47
HNX Index	231	0.5	0.2	5.8	-0.2		21.1	1.3	12
VN30 Index	1,175	-0.7	3.8	8.0	3.8		11.6	1.6	137
S&P 500 Index	4,906	0.3	3.4	13.6	2.9		23.6	4.6	42,857
STOXX Europe 600 Index	486	0.5	1.6	9.6	1.5		13.9	1.8	14,086
Hang Seng	15,534	-2.6	-7.5	-9.8	-8.9		8.2	0.9	2,347
Nikkei 225	36,158	1.1	8.0	13.2	8.0		29.6	2.0	4,445
SHCOMP Index	2,730	-6.2	-7.8	-9.3	-8.2		12.7	1.2	5,857
STI Index	3,180	0.6	-1.6	3.2	-1.9		11.0	1.1	362
KOSPI Index	2,615	5.5	-2.0	11.6	-1.5		17.7	0.9	1,511

Nguồn: Bloomberg



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Hoàng Nam
(84-28) 6299 7603
nam.h@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,
Cập nhật báo cáo mới nhất
Bấm vào hình hoặc quét QR

WEEKLY SNAPSHOT
Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	-0.5	3.8	4.1	6.0	-9.0	-5.6	74.9	-4.3	13.1	1.8	4,149,584
Mid Cap	2.7	5.7	5.3	40.7	13.9	14.2	23.3	4.8	19.8	3.6	519,022
Small Cap	-12.7	-13.6	-13.4	-12.0	-11.5	5.0	1.8	-0.5	30.8	2.8	71,249

Theo ngành

Tên ngành	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Hóa chất	8.9	8.9	8.3	31.5	20.7	20.0	4.3	0.7	20.8	2.2	192,678
Công nghệ Thông tin	6.2	5.3	5.3	63.1	42.6	41.2	2.3	0.7	21.0	4.3	144,522
Bán lẻ	5.9	10.4	9.6	4.8	-0.7	5.5	3.9	-0.2	207.5	4.1	101,981
Ô tô & Phụ tùng	4.9	5.2	5.5	135.6	89.9	113.6	0.8	0.4	18.6	4.3	15,422
Hàng cá nhân & Gia dụng	2.2	6.7	6.5	73.9	42.2	63.7	1.6	0.6	14.4	3.3	56,811
Tài chính	1.4	6.8	7.3	9.3	-10.6	-16.5	15.5	-0.3	21.4	2.2	194,542
Tiện ích	1.3	3.0	3.2	0.0	-20.7	-12.1	1.0	-0.1	15.2	2.1	302,557
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	0.7	1.2	0.7	24.0	-21.4	-27.6	4.1	0.4	13.6	1.8	131,169
Dầu khí	0.4	-0.1	-0.3	8.1	-24.0	-28.6	0.7	0.0	21.1	96059.6	59,416
Bảo hiểm	0.3	3.0	3.1	-1.0	-24.0	-7.4	0.1	0.0	14.1	1.9	41,997
Dược và Y tế	0.0	-0.8	0.5	17.2	-5.4	-1.9	0.1	0.0	13.8	3.3	34,829
Thực phẩm và đồ uống	-0.2	-3.5	-2.4	5.8	-6.0	-9.6	7.5	-0.4	23.7	3.2	416,465
Bất động sản	-0.2	-1.0	-1.9	26.5	12.7	-5.5	18.4	2.2	13.8	1.6	719,634
Du lịch và Giải trí	-0.7	-1.2	-2.0	4.6	-3.6	-19.6	0.6	0.0	n.a	77.2	94,624
Tài nguyên cơ bản	-1.6	1.5	-0.1	-7.4	-8.9	-10.8	8.6	-1.7	6.9	1.8	211,531
Truyền thông	-2.1	-11.8	-11.9	27.4	-26.7	-31.2	0.1	0.0	29.4	#DIV/0!	1,886
Ngân hàng	-2.3	7.6	8.8	-5.3	-20.2	15.1	21.9	-3.8	9.5	1.5	1,870,657
Xây dựng và vật liệu	-5.8	-3.9	-4.6	39.4	20.2	23.0	8.2	1.7	23.6	4.1	130,185

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**3,393**	-36.5	-111.5	-211.3	-125.1
Nước ngoài	**2,364**	-33.6	-98.6	-156.5	15.6
VanEck Vectors Vietnam ETF	523	0.0	-1.9	-12.7	69.3
Fubon FTSE Vietnam ETF	839	0.0	0.8	19.1	69.1
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	434	-19.8	-72.9	-170.6	-170.1
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	353	0.0	3.8	6.0	70.4
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	186	-13.8	-27.6	2.6	-21.3
Premia MSCI Vietnam ETF	15	0.0	-0.6	-0.9	-1.5
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	5	0.0	0.0	0.0	-0.4
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	**1,029**	-2.9	-13.0	-54.7	-140.8
DCVFMVN Diamond ETF	579	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	320	-1.7	1.0	15.1	-42.0
SSIAM VNFIN LEAD ETF	87	0.0	-12.6	-68.7	-98.3
MAFN VN30 ETF	26	-0.3	-0.4	-0.5	-1.5
SSIAM VNX50 ETF	7	-0.9	-1.0	-0.8	-0.9
VinaCapital VN100 ETF	4	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	6	0.0	0.0	0.1	1.9

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Chú thích:

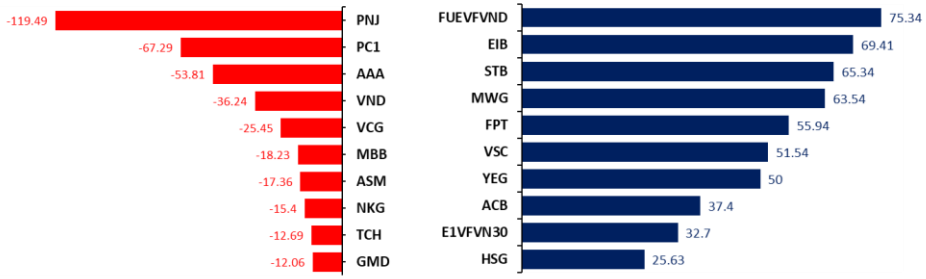
WTD: từ đầu tuần
MTD: từ đầu tháng
QTD: từ đầu quý
YTD: từ đầu năm

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	6,252	-41,410	6,779
Ấn độ	-522	-3,141	-3,141	-3,141
Indonesia	218	56	591	591
Nhật Bản*	4,863	17,148	17,148	17,148
Maylaysia	10	145	145	145
Philippines	12	9	89	89
Hàn Quốc	2,660	2,393	4,646	4,646
Sri Lanka	-1	-1	-7	-7
Đài Loan	1,682	1,531	2,946	2,946
Thái Lan	-3	59	-811	-811
Việt Nam	5	0	53	53

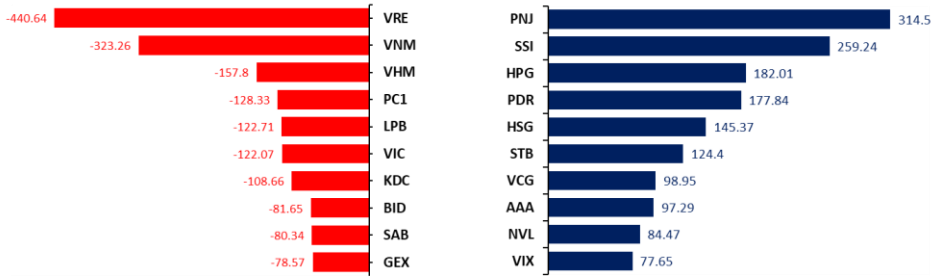
*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	-1	-457	680	-222
Tài nguyên Cơ bản	26	316	-268	-48
Truyền thông	50	1	-1	0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	48	-90	-34	124
Y tế	0	-3	2	1
Hóa chất	-46	64	-18	-46
Dịch vụ tài chính	103	316	-325	9
Du lịch và Giải trí	7	-18	6	12
Ngân hàng	221	59	281	-340
Xây dựng và Vật liệu	-82	18	88	-106
Thực phẩm và đồ uống	18	-395	433	-39
Bán lẻ	62	24	-85	61
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1	4	-7	3
Hàng cá nhân & Gia dụng	-119	323	-161	-162
Công nghệ Thông tin	74	4	-31	27
Ô tô và phụ tùng	-10	1	13	-14
Bảo hiểm	-3	5	-1	-4
Dầu khí	-2	27	-38	11
Tổng	345	199	535	-734

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	ST8	Công nghệ Thông tin	10.55 - 31.50	13.9	-24.3%
2	FDC	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	10.65 - 23.80	13.5	-19.7%
3	MHC	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	3.54 - 13.30	7.8	-14.5%
4	TN1	Bất động sản	13.30 - 18.75	13.4	-12.4%
5	HNG	Sản xuất nông nghiệp	3.35 - 5.73	4.4	-12.2%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
22.4%	41.9	22.90 - 47.80	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	QNP
21.0%	31.1	23.00 - 33.65	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	PAC
20.2%	14.9	11.55 - 20.00	Ô tô và phụ tùng	HTL
17.8%	56.3	33.50 - 56.60	Hóa chất	VFG
14.7%	14.9	13.80 - 24.90	Hóa chất	GVR

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	SGC	Thực phẩm và đồ uống	51.00 - 92.00	60.0	-23.6%
2	TKG	Tài nguyên Cơ bản	5.20 - 16.50	8.3	-20.2%
3	TPH	Truyền thông	9.80 - 16.20	11.2	-18.2%
4	ATS	Du lịch và Giải trí	8.50 - 19.80	13.8	-16.9%
5	DVG	Xây dựng và Vật liệu	2.50 - 5.00	3.0	-14.3%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
36.8%	59.8	22.90 - 63.80	Tài nguyên Cơ bản	TMB
35.7%	3.8	1.30 - 3.90	Tài nguyên Cơ bản	KSQ
22.7%	9.2	5.60 - 9.90	Thực phẩm và đồ uống	TFC
20.8%	26.7	19.90 - 45.00	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	ARM
13.8%	12.4	9.50 - 13.18	Tài nguyên Cơ bản	TKU

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	CKA	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	27.10 - 60.70	27.1	-38.3%
2	VBH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	8.50 - 24.40	10.2	-27.1%
3	VPR	Truyền thông	15.00 - 26.27	16.1	-26.8%
4	MTC	Du lịch và Giải trí	5.00 - 9.80	7.2	-26.5%
5	LUT	Xây dựng và Vật liệu	13.30 - 33.50	24.6	-26.1%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
46.7%	8.8	4.10 - 8.80	Tài nguyên Cơ bản	BCA
32.1%	107.8	30.80 - 107.80	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	D17
31.3%	16.8	11.90 - 18.00	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	BHA
30.4%	9.0	4.50 - 13.50	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	CCT
30.4%	60.0	39.50 - 156.00	Tài nguyên Cơ bản	IN4

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cố phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá (nghìn VND)	Biến động 52 tuần	%1W
1	QNP	#N/A	#N/A	940.6	591.6	41.9	22.90 - 47.80	22.4
2	PAC	Pin Ắc quy Miền Nam	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1,334.6	564.0	31.1	23.00 - 33.65	21.0
3	TV2	Tư vấn XD Điện 2	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	24,343.5	473.4	42.0	20.50 - 43.40	11.1
4	ITC	Đầu tư kinh doanh Nhà	Bất động sản	6,842.1	295.0	11.3	7.30 - 15.00	6.6
5	VSH	Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	664.4	293.1	46.6	35.50 - 48.90	0.0
6	MSH	May Sông Hồng	Hàng cá nhân & Gia dụng	5,602.5	250.5	39.2	31.80 - 48.00	6.1
7	HHS	Đầu tư DV Hoàng Huy	Ô tô và phụ tùng	33,682.4	245.9	8.2	3.67 - 8.33	14.3
8	SCS	DV Hàng hóa Sài Gòn	Du lịch và Giải trí	7,513.0	214.4	70.8	62.40 - 75.50	6.9
9	PHR	Cao su Phước Hòa	Hóa chất	24,756.0	172.6	53.6	38.70 - 54.10	10.1
10	LIX	Bột giặt LIX	Hàng cá nhân & Gia dụng	5,403.9	165.4	59.4	40.15 - 61.00	14.2

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

WEEKLY SNAPSHOT
Những dữ liệu vĩ mô khác

Tỷ giá

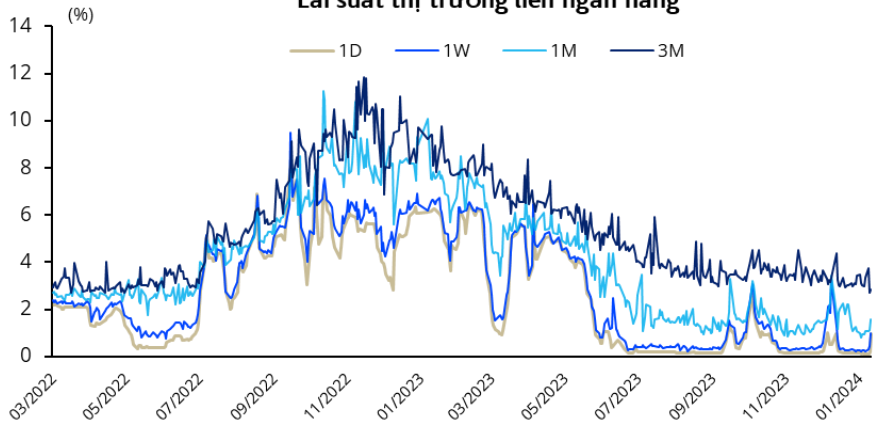
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dollar index	102.92	-0.5	0.7	-3.0	1.6	
VND/USD	24,370	-1.0	0.1	-0.8	0.4	
KRW/USD	1,322.35	-1.0	1.7	-1.5	2.7	
JPY/USD	146.70	-1.0	3.3	-2.5	4.0	
EUR/USD	0.92	-0.3	0.5	-2.5	1.4	
SGD/USD	1.34	-0.4	0.7	-2.1	1.2	
CNY/USD	7.18	0.0	0.5	-1.9	1.1	

Hàng hóa

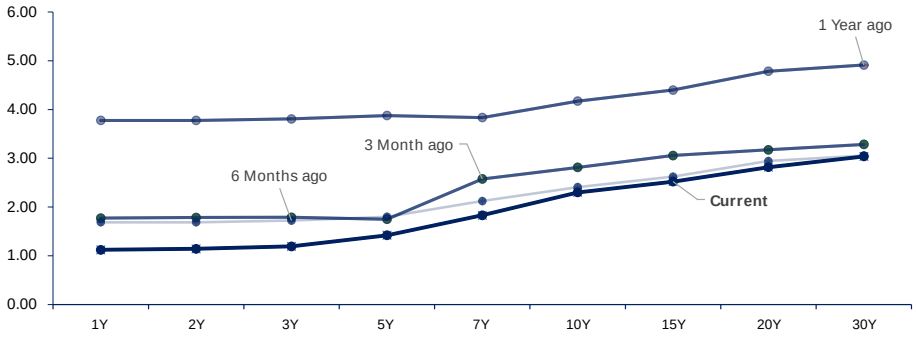
	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dầu thô	74.27	-4.8	5.5	-9.9	3.7	
Xăng	220.73	-3.8	5.4	-1.7	5.0	
Gas	2.07	-23.8	-19.5	-40.5	-17.8	
Than	116.00	-8.5	-20.8	-3.1	-20.8	
Vàng	2,052.83	1.7	-0.3	3.4	-0.5	
Bạc	23.18	1.6	-2.1	1.8	-2.6	
Platinum	921.19	0.6	-6.6	-0.4	-7.1	
Quặng sắt	132.67	-2.1	-2.7	8.5	-2.7	
Thép cán	4,045.00	-1.0	-1.0	4.8	-0.8	
Lúa mì	602.50	0.4	-0.7	6.5	-4.1	
Ngô	446.00	-0.1	-3.8	-5.1	-5.4	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	1.12	1.14	1.19	1.42	1.83	2.30	2.52	3.06	2.62
Thay đổi (BPS)*	0.00	0.00	0.00	2.20	1.50	1.50	4.30	0.90	3.20

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Shinhan Securities

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo tuân thủ & Miễn trừ trách nhiệm

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.